

# Communication Cards

English / Vietnamese

Version 2023 12up



This information was compiled by the Centre for Cultural Diversity in Ageing in 2023.

This publication was funded by the Australian Government Department of Health and Aged Care.

Thông tin này được tổng hợp bởi Trung Tâm Đa Dạng Văn Hóa Dành Cho Người Cao Niên vào năm 2023.

Tài liệu này được tài trợ bởi Sở Y Tế và Chăm Sóc Người Cao Niên Chính Phủ Úc.

© Centre for Cultural Diversity in Ageing 2023.

**Breakfast**



**Bữa sáng**  
bua sang

**Breakfast**



**Bữa sáng**  
bua sang

**Breakfast**



**Bữa sáng**  
bua sang

**Lunch**



**Bữa trưa**  
bua trua

**Lunch**



**Bữa trưa**  
bua trua

**Dinner**



**Bữa tối**  
bua toy

**Dinner**



**Bữa tối**  
bua toy

**Fish**



**Cá**  
ca

**Chicken**



**Thịt gà**  
thit ga

**Beef**



**Thịt bò**  
thit bo

**Lamb**



**Thịt cừu/Thịt trầu**  
thit cuu/thit tru

**Pork**



**Thịt heo**  
thit heo

Water



Nước  
nuoc

Juice



Nước trái cây  
nuoc trai kay

Tea



Trà  
tra

Sugar



Đường  
duong

Milk



Sữa  
sua

Coffee



Cà phê  
ca fe

Beer



Bia  
beer

Wine



Rượu  
ru

Vegetarian



Ăn chay  
an chay

Kosher



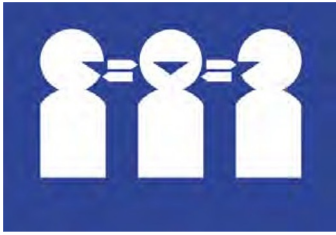
Thực phẩm kosher  
(của người do thái)  
thuc fam kosher  
(của nguoi zo thai)

Halal



Thức ăn halal  
(của người hồi giáo)  
thuc an halal  
(của nguoi hoi zao)

Interpreter



Thông dịch viên  
thong zich vien

Family



Gia đình  
za din

Priest



Mục sư  
muc su

Rabbi



Thầy đạo  
thay dao

Imam



Thầy tế (trong đạo Hồi)  
thay te (trong dao hoi)

Priest



Mục sư  
muc su

Nurse



Y tá  
e ta

Doctor



Bác sĩ  
bac see

Monk



Thầy tu  
thay tu

Physiotherapist



Chuyên viên vật  
lý trị liệu  
chuyen vien vat ly tree lieu

Massage



Mát-xa  
massage

Podiatrist



Bác sĩ chuyên  
khoa chân  
bac see chuyen khoa chan

Shower



(Tắm) vòi sen  
(tắm) vòi sen

Toilet



Nhà vệ sinh  
nhà vệ sinh

Wash Hands



Rửa tay  
rửa tay

Clean Teeth



Răng sạch  
răng sạch

Clean Room



Lau chùi phòng  
lau chùi phòng

Get Up



Đứng/Ngồi dậy  
đứng/ngồi dậy

Get Dressed



Mặc quần áo/Mặc đồ  
mặc quần áo/mặc đồ

Get Dressed



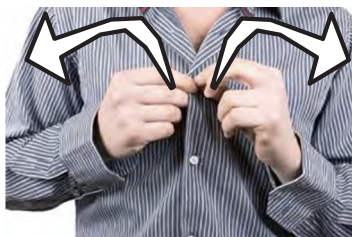
Mặc quần áo/Mặc đồ  
mặc quần áo/mặc đồ

Get Undressed



Cởi quần áo/Cởi đồ  
cởi quần áo/cởi đồ

Get Undressed



Cởi quần áo/Cởi đồ  
cởi quần áo/cởi đồ

Rest



Nghỉ ngơi  
nghỉ ngơi

Sleep



Ngủ  
ngu

Exercise



Tập thể dục  
tap the zuc

Activities



Hoạt động  
hoat dong

Go for a Walk



Đi bộ  
di bo

Go to the Garden



Ra vườn  
ra vuon

Telephone



Điện thoại  
dien thoy

Radio



Đài phát thanh  
dai fat than

Music



Âm nhạc  
am nhạc

Film



Phim  
film

TV



TV  
TV

Taxi



Taxi  
taxi

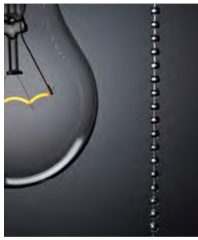
**Light On**



**Bật đèn**

bat den

**Light Off**



**Tắt đèn**

tat den

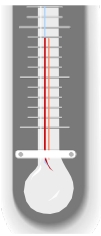
**What Time?**



**Mấy giờ?**

may zo

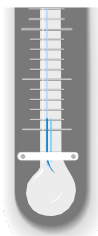
**Hot**



**Nóng**

non

**Cold**



**Lạnh**

lan

**Like**



**Thích**

thik

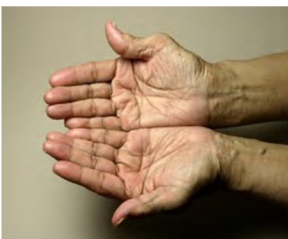
**Dislike**



**Không thích**

khon thik

**Want**



**Muốn**

muon

**Don't Want**



**Không muốn**

khon muon

Book



Sách

sach

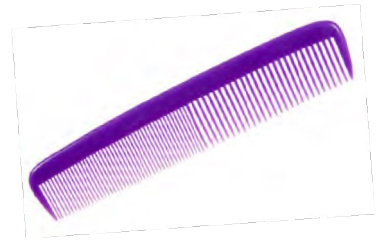
Glasses



Mắt kiếng/Mắt kính

mat kieng/mat kin

Comb



Lược

luoc

Watch



Đồng hồ

don ho

Jewellery



Đồ trang sức

do trang suc

Makeup



Trang điểm

trang diem

Hearing Aid



Dụng cụ trợ thính

zung cu tro thin

Dentures



Răng giả

rang za

Incontinence Pad



Miếng lót thấm  
nước tiểu

min lot tham nuoc tieu

Tissues



Khăn giấy

khan zay

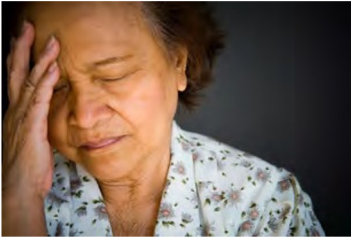
Pillow



Gối

goy

**Pain**



**Đau**  
dau

**Pain Killer**



**Thuốc giảm đau**  
thuoc zam dau

**Medication**



**Thuốc**  
thuoc

**Walking Stick**



**Gậy**  
gay

**Walking Frame**



**Khung đi bộ**  
khum di bo

**Wheeled Walker**



**Gậy có bánh xe**  
gay ko ban xe

**Wheelchair**



**Xe lăn**  
sare lan

**Umbrella**



**Cây dù**  
kay zu

Dressing Gown



Áo ngủ  
ao ngu

Sleepwear



Đồ ngủ  
do ngu

Slippers



Dép  
zep

Underwear



Đồ lót  
Do lot

Socks



Vớ/Tất  
vo/tat

Shirt



Áo  
ao

Trousers



Quần dài  
quan dai

Skirt



Váy  
vay

Dress



Váy/Áo đầm  
vay/ao dam

Jumper



Áo chui đầu  
ao chui dau

Shoes



Giày  
zay

Coat



Áo khoác  
ao khoac